



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness

Số/No.: 30012024-01TB/EVPL

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2024  
Ha Noi, 30<sup>th</sup> January 2024

**CÔNG BỐ THÔNG TIN  
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ  
SGDCK TP.HCM**

**DISCLOSURE OF INFORMATION ON THE  
STATE SECURITIES COMMISSION'S  
PORTAL AND HOCHIMINH STOCK  
EXCHANGE'S PORTAL**

Kính gửi/ To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*  
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Hochiminh Stock Exchange*

- Tên tổ chức / *Organization name*: Công ty cổ phần Everpia/ *Everpia JSC*
- Mã chứng khoán/ *Securities Symbol*: EVE
- Địa chỉ trụ sở chính/ *Address*: Dương Xá, Gia Lâm, Hà Nội
- Điện thoại/ *Telephone*: 024.38276490
- Fax: 024.38276492
- Người thực hiện công bố thông tin/ *Submitted by*: Yu Sung Dae
- Chức vụ/ *Position*: Người được ủy quyền Công bố thông tin

*Authorized person on Information*

Loại thông tin công bố :  định kỳ  bất thường  24h  theo yêu cầu  
*Information disclosure type:  Periodic  Irregular  24 hours  On demand*

**Nội dung thông tin công bố (\*)/ *Content of Information disclosure (\*)*:**

Báo cáo tài chính công ty mẹ và hợp nhất quý 4 năm 2023.  
*Separated and consolidated financial report for 4<sup>th</sup> quarter 2023.*

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 30/01/2024 tại đường dẫn: <http://www.everpia.vn/everon/ir/thong-tin-tai-chinh/bao-cao-tai-chinh.aspx>

*This information was disclosed on Company on 30/01/2024, available at:  
<http://www.everpia.vn/everon/ir/financial-statement.aspx>*

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

*I declare that all information provided in this paper is true and accurate; I shall be legally responsible for any misrepresentation.*

**Đại diện tổ chức**  
**Organization representative**  
Người UQ CBTT  
*Party authorized to disclose information*



# **Công ty Cổ phần Everpia**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho quý tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Công ty Cổ phần Everpia

# Công ty Cổ phần Everpia

THÔNG TIN CHUNG

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	2-4
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	5-6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	7-8
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	9-40

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
<b>100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>794,327,689,024</b>	<b>1,055,145,769,022</b>
110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	53,809,420,099	54,780,353,092
111 1. Tiền		38,963,766,634	37,834,469,145
112 2. Các khoản tương đương tiền		14,845,653,465	16,945,883,947
120 II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	209,002,020,574	396,498,286,055
121 1. Chứng khoán kinh doanh		-	108,759,627,374
123 2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		209,002,020,574	305,806,082,150
129 3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		-	(18,067,423,469)
130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn		205,992,314,652	232,722,338,012
131 1. Phải thu khách hàng	6	190,314,688,167	183,249,582,128
132 2. Trả trước cho người bán	6	12,297,008,891	42,266,149,339
136 3. Các khoản phải thu khác	7	32,127,614,090	34,686,549,577
137 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6,7	(28,746,996,496)	(27,479,943,032)
140 IV. Hàng tồn kho	9	318,858,400,712	364,153,052,782
141 1. Hàng tồn kho		350,971,246,180	393,180,183,846
149 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(32,112,845,468)	(29,027,131,064)
150 V. Tài sản ngắn hạn khác		6,665,532,987	6,991,739,081
151 1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	2,716,419,641	3,783,070,296
152 2. Thuế GTGT được khấu trừ	16	1,995,021,555	3,208,668,785
153 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		22,402	-
155 4. Tài sản ngắn hạn khác		1,954,069,389	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
 Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023


Đơn vị tính: VND

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023	
<b>200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>585,052,549,373</b>	<b>401,549,607,125</b>	
<b>210 I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>2,646,500,118</b>	<b>2,550,207,116</b>	
216 1. Phải thu dài hạn khác	7	2,646,500,118	2,550,207,116	
<b>220 II. Tài sản cố định</b>		<b>351,808,662,982</b>	<b>165,509,518,378</b>	
221 1. Tài sản cố định hữu hình	10	350,851,604,008	164,253,763,180	
222 - Nguyên giá		773,733,498,835	609,814,704,124	
223 - Giá trị hao mòn lũy kế		(422,881,894,827)	(445,560,940,944)	
227 2. Tài sản cố định vô hình	11	957,058,974	1,255,755,198	
228 - Nguyên giá		41,703,773,568	41,721,106,292	
229 - Giá trị hao mòn lũy kế		(40,746,714,594)	(40,465,351,094)	
<b>240 III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	12	<b>1,019,733,800</b>	<b>64,280,616,346</b>	
242 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1,019,733,800	64,280,616,346	
<b>250 IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	13	<b>60,424,716,482</b>	<b>9,804,108,487</b>	
252 1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		11,590,390,000	11,590,390,000	
253 2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		10,224,450,000	10,356,200,000	
		3. Đầu tư tài chính	51,554,063,242	-
254 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(12,944,186,760)	(12,142,481,513)	
<b>260 V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>169,152,935,991</b>	<b>159,405,156,798</b>	
261 1. Chi phí trả trước dài hạn	14	146,457,684,270	136,827,519,145	
262 2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	28.2	22,695,251,721	22,577,637,653	
<b>270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1,379,380,238,397</b>	<b>1,456,695,376,147</b>	

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
 Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
<b>300 A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>380,552,412,792</b>	<b>428,854,173,261</b>
<b>310 I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>258,945,871,407</b>	<b>312,013,032,780</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15 66,888,983,148	48,905,071,795
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15 19,140,646,208	18,592,271,299
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16 7,325,413,733	17,868,736,240
314	4. Phải trả người lao động	25,757,678,310	30,679,597,943
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17 882,396,901	1,673,446,511
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	182,895,926
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18 1,546,689,045	1,695,365,563
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19 137,404,064,062	192,415,647,503
<b>330 II. Nợ dài hạn</b>		<b>121,606,541,385</b>	<b>116,841,140,481</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	18 19,289,059,158	22,415,007,814
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19 102,317,482,227	94,426,132,667
<b>400 B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>998,827,825,605</b>	<b>1,027,841,202,886</b>
<b>410 I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>20</b>	<b>998,827,825,605</b>	<b>1,027,841,202,886</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu [Vốn cổ phần]	419,797,730,000	419,797,730,000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	419,797,730,000	419,797,730,000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	184,195,877,847	184,195,877,847
429	3. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	11,070,963,585	10,254,586,384
417	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(4,912,777,212)	(4,000,628,280)
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	5,068,287,461	1,169,532,841
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/Lỗ lũy kế	383,607,743,924	416,424,104,094
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	365,713,574,354	324,849,269,506
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	17,894,169,570	91,574,834,588
<b>440 TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1,379,380,238,397</b>	<b>1,456,695,376,147</b>

  
 Nguyễn Bảo Ngọc  
 Người lập biểu  
 Trưởng phòng Tài chính  
 kế toán

  
 Yu Sung Dae  
 Phó Tổng Giám đốc  
 Phụ trách Tài chính

  
 Lee Jae Eun  
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 1 năm 2024

**Công ty Cổ phần Everpia**  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
 Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B02-DN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND		
			Quý 4/2023	Quý 4/2022	Năm 2023
01	1. Doanh thu bán hàng	22	225,860,293,624	284,466,240,910	787,684,319,988
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	(105,341,585)	(94,154,771)	(830,413,831)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng	22	225,754,952,039	284,372,086,139	786,853,906,157
11	4. Giá vốn hàng bán	23	(155,192,157,251)	(177,280,981,826)	(535,770,415,289)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng	22	70,562,794,788	107,091,104,313	251,083,490,868
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	7,110,462,474	9,357,287,201	49,447,504,304
22	7. Chi phí tài chính	24	(5,235,783,687)	(11,430,509,356)	(22,188,641,191)
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		(4,847,719,928)	(2,433,825,366)	(16,345,434,585)
25	9. Chi phí bán hàng	25	(46,001,327,635)	(47,969,322,416)	(167,439,134,031)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(26,299,119,440)	(27,843,688,860)	(93,407,963,911)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		137,026,500	29,204,870,882	17,495,256,039
31	12. Thu nhập khác	26	7,700,738,242	320,842,341	9,820,008,926
32	13. Chi phí khác	26	(1,642,556,400)	(639,035,936)	(3,067,356,065)
40	14. Lợi nhuận khác (40=31-32)		6,058,181,842	(318,193,595)	6,752,652,861
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		6,195,208,342	28,886,677,287	24,247,908,900
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	(1,889,364,883)	(7,686,843,819)	(5,654,976,192)
52	17. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	28	(31,357,101)	1,774,828,033	117,614,063
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		4,274,486,358	22,974,661,501	18,710,546,771
	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		230,880,521	254,586,384	816,377,201
	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		4,043,605,837	22,720,075,117	17,894,169,570
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	96	541	426
	20. Lãi pha loãng trên cổ phiếu	29	96	541	426

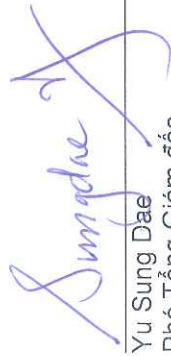


Công ty Cổ phần Everpia  
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT  
Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B02-DN



Nguyễn Bảo Ngọc  
Người lập biểu  
Trưởng phòng Tài chính  
kế toán



Yu Sung Dae  
Phó Tổng Giám đốc  
Phụ trách Tài chính



Lee Jae Eun  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 1 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT  
Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

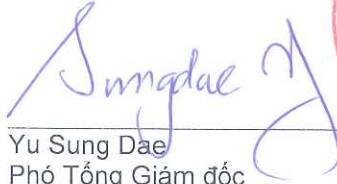
Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>24,247,908,900</b>	<b>115,334,904,446</b>
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
02	Khấu hao tài sản cố định		(22,397,682,617)	35,677,478,011
03	(Hoàn nhập)/ Trích các khoản dự phòng		5,154,473,115	25,995,691,868
04	(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		(1,756,582,390)	(1,378,890,386)
05	(Lãi) từ hoạt động đầu tư	22.2	(36,905,210,761)	(19,960,993,451)
06	Chi phí lãi vay	24	16,345,434,585	6,738,633,160
08	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>(15,311,659,168)</b>	<b>162,406,823,648</b>
09	Thay đổi các khoản phải thu		26,629,123,525	(16,938,180,579)
10	Thay đổi hàng tồn kho		42,208,937,666	(30,127,094,340)
11	Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		11,064,727,818	(2,166,116,277)
12	Thay đổi chi phí trả trước		(8,563,514,470)	(1,249,152,962)
13	Thay đổi các khoản đầu tư kinh doanh		39,138,140,663	4,992,734,795
14	Tiền lãi vay đã trả		(16,467,523,526)	(6,803,641,363)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(14,970,443,171)	(19,218,211,960)
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(679,987,110)	(5,637,302,540)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>63,047,802,227</b>	<b>85,259,858,422</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	Tiền chi mua sắm TSCĐ, xây dựng cơ bản dở dang		(103,692,060,080)	(153,498,703,878)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		-	1,340,691,737
23	Tiền chi cho các khoản đầu tư ngắn hạn		(209,002,020,574)	(398,412,082,150)
24	Tiền thu hồi từ đầu tư ngắn hạn		305,806,082,150	353,345,000,000
25	Tiền chi góp vốn cho các đơn vị khác		-	-
26	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		35,338,342,931	14,951,514,410
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>28,450,344,427</b>	<b>(182,273,579,881)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu		-	18,881,839,777
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		513,877,495,984	363,031,673,666
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(560,997,729,865)	(242,534,092,545)
35	Cổ tức đã trả cho cổ đông		(46,131,788,065)	(41,083,124,500)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(93,252,021,946)</b>	<b>98,296,296,398</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>(1,753,875,292)</b>	<b>1,282,574,939</b>
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	4	54,780,353,092	52,162,065,411
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		782,942,299	1,335,712,742
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	4	<b>53,809,420,099</b>	<b>54,780,353,092</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)  
Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



Nguyễn Bảo Ngọc  
Người lập biểu  
Trưởng phòng Tài chính  
kế toán



Yu Sung Dae  
Phó Tổng Giám đốc  
Phụ trách Tài chính



Lee Jae Eun  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 1 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Everpia (gọi tắt là "Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam trên cơ sở chuyển đổi hình thức sở hữu từ doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài, Công ty TNHH Everpia Việt Nam, theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số 011033000055 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 4 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư điều chỉnh lần thứ 21 được cấp ngày 28 tháng 4 năm 2022.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 17 tháng 12 năm 2010 theo Quyết định số 247/2010/QĐ-SGDHCM do Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 30 tháng 11 năm 2010.

Các hoạt động chính của Công ty theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư là sản xuất, thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối (bán buôn, bán lẻ), tư vấn và chuyển giao công nghệ và xuất khẩu vải không dệt, vải lọc, nỉ, chăn, ga trải giường, gối, nệm, túi ngủ, ba lô, túi xách, đồ lót và các mặt hàng may mặc khác; thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối (bán buôn, bán lẻ) và xuất khẩu hàng hóa đồ dùng nội thất bằng gỗ và các chất liệu khác, bộ đồ nhà bếp vệ sinh và đồ văn phòng, kinh doanh bất động sản dưới hình thức thuê nhà và công trình xây dựng để cho thuê lại tại địa điểm dự án.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đặt tại xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, Hà Nội và các chi nhánh tại Hưng Yên, Thành phố Hồ Chí Minh, Hòa Bình, Đồng Nai, Bình Dương, Đà Nẵng và Khánh Hòa.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 1.205 người (ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 1.217 người).

**Cơ cấu tổ chức**

Công ty có 2 công ty con, thông tin chi tiết về công ty con và tỷ lệ biểu quyết, tỷ lệ lợi ích của Công ty trong công ty con này tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

*Công ty Cổ phần Everpia Korea*

Công ty này là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số 201600179 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam cấp ngày 1 tháng 8 năm 2016. Công ty Cổ phần Everpia Korea có trụ sở tại số A408-Hyeondae knowledge Industry Centre, Số 3 Godeung Ro, Sujeong Gu, Seongnam Si, Gyeonggi Do, thành phố Seoul, Hàn Quốc. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Everpia Korea là kinh doanh chăn ga trải giường, gối, nệm; tư vấn và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh và thực hiện quyền nhập khẩu, xuất khẩu theo quy định của pháp luật Hàn Quốc.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty nắm 100% tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết trong công ty con này. Tại ngày lập báo cáo này, Công ty đã góp vốn 1.500.000 đô la Mỹ (tương đương 34.285.000.000 VND), tương đương với 100% vốn điều lệ vào công ty con này.

*Quỹ đầu tư Cơ hội Mirae Asset Việt Nam*

Đây là quỹ đầu tư chứng khoán thành viên được thành lập theo Giấy Chứng nhận số 36/GCN-UBCK cấp bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 20 tháng 7 năm 2022. Quỹ có trụ sở tại tầng 38, tòa Keangnam Landmark Hanoi, Khu E6, KĐT mới Cầu Giấy, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội. Quỹ sẽ thực hiện đầu tư vào các cổ phiếu, trái phiếu của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam và pháp luật nước ngoài, phần vốn góp tại Công ty trách nhiệm hữu hạn thuộc các lĩnh vực, ngành nghề mà pháp luật không cấm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty nắm 80% tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết trong Quý này. Tại ngày lập báo cáo này, Công ty đã góp vốn 40.000.000.000 VND, tương đương 80% vốn điều lệ của công ty này.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty cũng sở hữu một số khoản đầu tư vào các công ty liên kết như được trình bày tại Thuyết minh số 13.2.

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2006/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2006 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là hình thức kế toán trên máy vi tính.

**2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán quý của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY** (tiếp theo)

**2.5 Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa Công ty và công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu của công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận lũy kế chưa phân phối.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- |                                                    |   |                                                                                                                                                                                 |
|----------------------------------------------------|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Nguyên vật liệu, hàng hóa                          | - | chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.                                                                                                                               |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - | giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Chi phí hoàn trả mặt bằng được ghi nhận là một mục thuộc tài sản nhà xưởng, vật kiến trúc và được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền trong tương lai để chi trả cho nghĩa vụ đi đời nêu trên tại thời điểm kết thúc thời hạn thuê đất.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.5 Thuê tài sản**

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

**3.6 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

*Nhãn hiệu, kênh phân phối*

Giá trị nhãn hiệu và kênh phân phối được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo giá mua trên các hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu và kênh phân phối.

**3.7 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	25 - 46 năm
Máy móc thiết bị	5 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	6 - 8 năm
Phương tiện vận tải	9 - 10 năm
Các tài sản cố định hữu hình khác	4 - 20 năm
Nhãn hiệu hàng hóa	6 - 16 năm
Kênh phân phối	15 năm
Phần mềm máy tính	4 năm
Các tài sản cố định vô hình khác	4 - 10 năm

**3.8 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

**3.9 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- ▶ Chi phí trả trước về thuê cơ sở hạ tầng;
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ v.v.

*Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền vào ngày 2 tháng 6 năm 2021 trong thời hạn 50 năm. Khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian ngắn hơn giữa thời gian còn lại của hợp đồng thuê và thời gian hoạt động còn lại của Công ty theo Giấy Chứng nhận Đầu tư.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.10 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh

**3.11 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là các công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.11 Các khoản đầu tư**

*Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

*Dự phòng giảm giá trị cho các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.13 Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày kết thúc kỳ kế toán theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 30 tháng 12 năm 2008 theo Bộ luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ kế toán theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

Công ty cổ phần Everpia Korea

Trợ cấp thôi việc phải trả cho toàn bộ người lao động đang làm việc tại Công ty Con được tính theo tỷ lệ một tháng lương cho mỗi năm làm việc tại Công ty đến ngày kết thúc kỳ kế toán theo quy định của nước sở tại

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.14 Các khoản dự phòng**

*Dự phòng chung*

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

*Dự phòng chi phí hoàn trả mặt bằng*

Công ty ghi nhận một khoản dự phòng chi phí hoàn trả mặt bằng cho lô đất mà Công ty đã xây dựng nhà máy. Chi phí hoàn trả mặt bằng được ghi nhận theo giá trị hiện tại của dòng tiền ước tính trong tương lai phải trả cho việc thực hiện nghĩa vụ này. Chi phí này được ghi nhận là một mục thuộc nguyên giá của nhà cửa, vật kiến trúc và sẽ được khấu hao theo thời gian thuê của lô đất mà nhà cửa và vật kiến trúc được xây dựng trên đó. Chi phí hoàn trả mặt bằng ước tính sẽ được xem xét lại định kỳ và điều chỉnh phù hợp. Các thay đổi về giá trị tương lai ước tính được cộng thêm hay trừ ra khỏi nguyên giá của tài sản đã ghi nhận.

**3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty và công ty con mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.16 Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.17 *Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do chuyển đổi đơn vị tiền tệ báo cáo của cơ sở nước ngoài hoạt động độc lập***

Việc chuyển đổi đơn vị tiền tệ báo cáo cho mục đích kế toán được xử lý dựa trên các nguyên tắc sau:

- ▶ Đối với tài sản, tỷ giá giao dịch thực tế sử dụng để chuyển đổi báo cáo tài chính là tỷ giá mua của ngân hàng tại thời điểm báo cáo;
- ▶ Đối với nợ phải trả, tỷ giá giao dịch thực tế sử dụng để chuyển đổi báo cáo tài chính là tỷ giá bán của ngân hàng tại thời điểm báo cáo;
- ▶ Giá trị tài sản thuần của các công ty con do công ty mẹ nắm giữ tại ngày mua được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ tại ngày mua;
- ▶ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh sau ngày mua các công ty con được quy đổi bằng cách tính toán theo các khoản mục doanh thu, chi phí của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; và
- ▶ Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Trường hợp tỷ giá bình quân kỳ báo cáo xấp xỉ tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch (chênh lệch không quá +/- 2%) thì được áp dụng tỷ giá bình quân.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do chuyển đổi đơn vị tiền tệ báo cáo được ghi nhận như một phần riêng biệt của vốn chủ sở hữu cho đến khi thanh lý khoản đầu tư vào cơ sở nước ngoài hoạt động độc lập.

**3.18 *Phân chia lợi nhuận***

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

*Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu*

Quỹ này được trích lập để sử dụng cho các mục đích khác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Cũng theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông này, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được ủy quyền quyết định sử dụng quỹ quản lý căn cứ vào nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả cao nhất.

**3.19 *Ghi nhận doanh thu***

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.19 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)**

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ được hoàn thành.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

**3.20 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.20 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập công ty được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.21 Thông tin theo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định hợp nhất biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.22 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

**3.23 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Đơn vị tính: VND

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
Tiền mặt	152,297,526	147,654,730
Tiền gửi ngân hàng	38,811,469,108	37,686,814,415
Các khoản tương đương tiền (*)	14,845,653,465	16,945,883,947
	<u><b>53,809,420,099</b></u>	<u><b>54,780,353,092</b></u>

(\*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ 1 tháng đến 3 tháng hưởng lãi suất 3,0% đến 5%/năm (2022: các khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng hưởng lãi từ 3,8% đến 6%/năm).

**5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

Đơn vị tính: VND

	<u>31/12/2023</u>		<u>01/01/2023</u>	
	Giá trị	Giá trị thực hiện	Giá trị	Giá trị thực hiện
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	209,002,020,574	209,002,020,574	305,806,082,150	305,806,082,150
	<u><b>209,002,020,574</b></u>	<u><b>209,002,020,574</b></u>	<u><b>305,806,082,150</b></u>	<u><b>305,806,082,150</b></u>

Đây là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 6 tháng đến 1 năm hưởng lãi suất từ 4.13%/năm đến 8%/năm (2022: các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 1 năm hưởng lãi suất từ 3.8%/năm đến 11.5%/năm).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
 Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

**6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
AG-LE LOI- HA DONG	6,124,661,397	1,709,218,096
Công ty CP Du Lịch Hoa Oải Hương	3,805,302,104	-
MEDLINE INDUSTRIES, INC	7,207,639,802	6,346,293,300
HA HAE CORPORATION	6,295,301,737	63,251,607
Công ty CP WELCRON GLOBAL VIỆT NAM	4,098,926,010	6,436,352,596
DONGALI TRADING CO., LTD	3,358,709,539	600,918,725
ESSENLUÉ CO.,LTD	4,085,420,563	2,722,025,652
Các khoản phải thu khách hàng khác	155,338,727,015	165,371,522,152
	<u><b>190,314,688,167</b></u>	<u><b>183,249,582,128</b></u>
Dự phòng phải thu khó đòi	(17,397,151,079)	(16,026,950,415)

**6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
Trả trước cho nhà cung cấp	12,297,008,891	42,266,149,339
	<u><b>12,297,008,891</b></u>	<u><b>42,266,149,339</b></u>

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
<b>Ngắn hạn</b>		
Tài sản thiếu chờ xử lý	11,349,845,417	11,349,845,417
Lãi tiền gửi và cho vay	7,040,456,439	8,142,673,839
Tạm ứng cho nhân viên	2,414,049,572	3,051,958,040
Thuế giá trị gia tăng chờ hoàn	10,672,683,336	11,353,286,408
Phải thu ngắn hạn khác	650,579,326	788,785,873
	<u><b>32,127,614,090</b></u>	<u><b>34,686,549,577</b></u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác khó đòi	(11,349,845,417)	(11,452,992,617)
<b>Dài hạn</b>		
Ký quỹ, ký cược dài hạn	2,625,726,629	2,528,912,336
Phải thu khác	20,773,489	21,294,780
	<u><b>2,646,500,118</b></u>	<u><b>2,550,207,116</b></u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày

**8. NỢ PHẢI THU QUÁ HẠN**

*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị thu hồi	Giá gốc	Giá trị thu hồi
Các khoản phải thu khách hàng	30,943,334,086	13,546,183,007	27,138,830,869	11,111,880,454
Tài sản thiếu chờ xử lý	11,349,845,417	-	11,452,992,617	-
	<b>42,293,179,503</b>	<b>13,546,183,007</b>	<b>38,591,823,486</b>	<b>11,111,880,454</b>

**9. HÀNG TỒN KHO**

*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2023	01/01/2023
Hàng mua đang đi đường	5,666,521,174	7,158,568,051
Nguyên liệu, vật liệu	166,297,804,782	203,185,708,767
Thành phẩm	175,715,956,308	177,278,317,383
Hàng hoá	3,290,963,916	5,557,589,645
	<b>350,971,246,180</b>	<b>393,180,183,846</b>
	<b>31/12/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
Dự phòng giảm giá hàng hóa tồn kho nguyên vật liệu	(19,011,394,537)	(14,320,172,867)
Dự phòng giảm giá hàng hóa tồn kho thành phẩm	(13,101,450,931)	(14,706,958,197)
	<b>(32,112,845,468)</b>	<b>(29,027,131,064)</b>

**Chi tiết tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

*Đơn vị tính: VND*

	Năm nay	Năm trước
Số đầu	29,027,131,064	16,525,625,089
Cộng dự phòng trong năm	10,190,543,646	15,317,423,271
Sử dụng và hoàn nhập trong năm	(7,104,829,241)	(2,815,917,296)
Số cuối	<b>32,112,845,468</b>	<b>29,027,131,064</b>

## Công ty Cổ phần Everpia

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày

### 10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải	Tài sản khác	Tổng cộng
<b>NGUYỄN GIÁ</b>						
Tại ngày 01/01/2023	213,528,101,087	317,644,179,363	14,362,286,934	43,506,145,190	20,773,991,550	609,814,704,124
Tăng trong kỳ	196,401,358,997	7,255,230,223	2,034,335,364	11,509,476,564	2,884,193,000	220,084,594,148
Giảm trong kỳ	39,720,970,374	5,519,592,813	61,845,542	10,210,350,516	653,040,192	56,165,799,437
Tại ngày 31/12/2023	<b>370,208,489,710</b>	<b>319,379,816,773</b>	<b>16,334,776,756</b>	<b>44,805,271,238</b>	<b>23,005,144,358</b>	<b>773,733,498,835</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại ngày 01/01/2023	119,696,339,215	260,339,904,801	14,362,286,934	32,833,259,524	18,329,150,470	445,560,940,944
Trích vào chi phí trong kỳ	11,228,366,576	16,709,725,273	484,745,063	3,367,435,485	558,451,612	32,348,724,009
Giảm khác	39,853,607,736	3,752,858,184	342,209,862	10,410,429,112	668,665,232	55,027,770,126
Tại ngày 31/12/2023	<b>130,924,705,791</b>	<b>277,049,630,074</b>	<b>14,847,031,997</b>	<b>36,200,695,009</b>	<b>18,218,936,850</b>	<b>422,881,894,827</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 01/01/2023	93,831,761,872	57,304,274,562	-	10,672,885,666	2,444,841,080	164,253,763,180
Tại ngày 31/12/2023	<b>239,283,783,919</b>	<b>42,330,186,699</b>	<b>1,487,744,759</b>	<b>8,604,576,229</b>	<b>4,786,207,508</b>	<b>350,851,604,008</b>

Tháng 8 năm 2023, nhà máy mới tại Giang Điền đã chính thức đi vào hoạt động. Tổng giá trị đầu tư cho nhà máy mới là 196 tỷ đồng. Đồng thời, công ty cũng hoàn thành việc giải phóng mặt bằng hoàn trả lại nguyên trạng nhà máy cũ tại khu công nghiệp Biên Hòa 1.

## Công ty Cổ phần Everpia

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày

### 11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Thương hiệu	Kênh phân phối	Phần mềm máy tính	Tài sản khác	Tổng cộng
NGUYỄN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2023	24,566,385,000	7,831,500,000	7,928,284,189	1,394,937,103	41,721,106,292
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	17,332,724	-	17,332,724
Tại ngày 31/12/2023	24,566,385,000	7,831,500,000	7,910,951,465	1,394,937,103	41,703,773,568
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2023	24,443,527,166	7,831,500,000	7,503,430,241	686,893,687	40,465,351,094
Trích vào chi phí trong năm	122,857,834	-	158,505,666	-	281,363,500
Tại ngày 31/12/2023	24,566,385,000	7,831,500,000	7,661,935,907	686,893,687	40,746,714,594
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2022	122,857,834	-	424,853,948	708,043,416	1,255,755,198
Tại ngày 31/12/2023	-	-	249,015,558	708,043,416	957,058,974

### 12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Đơn vị tính: VND

	31/12/2023	01/01/2023
Chi phí xây dựng nhà máy Giang Điền (*)	-	63,442,539,446
Chi phí tư vấn	414,500,000	414,500,000
Phần mềm và phần cứng hệ thống HRIS	605,233,800	423,576,900
<b>Tổng cộng</b>	<b>1,019,733,800</b>	<b>64,280,616,346</b>

Từ tháng 8 năm 2023, Nhà máy mới tại KCN Giang Điền đã chính thức đi vào hoạt động.

## Công ty Cổ phần Everpia

B09-DN

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày

#### 13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên kết	11,590,390,000	(11,590,390,000)	11,590,390,000	(11,590,390,000)
<i>Công ty CP Texpia</i>	11,590,390,000	(11,590,390,000)	11,590,390,000	(11,590,390,000)
Đầu tư vào đơn vị khác	10,224,450,000	(552,091,513)	10,356,200,000	(552,091,513)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	51,554,063,242	(801,705,247)	-	-
	<b>73,368,903,242</b>	<b>(12,944,186,760)</b>	<b>21,946,590,000</b>	<b>(12,142,481,513)</b>

(\*) Cổ phiếu của các công ty này không được niêm yết trên thị trường chứng khoán do đó Ban Giám đốc Công ty không xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

#### 13.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty Cổ phần Texpia (*)	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ vốn nắm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn nắm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết
	44%	44%	44%	44%

(\*) Công ty Cổ phần Texpia là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 472063001056 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Đồng Nai cấp ngày 16 tháng 10 năm 2013 và các Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh lần thứ 6 số 472063001056 được cấp ngày 2 tháng 6 năm 2017. Công ty đã nộp hồ sơ xin chấm dứt hoạt động lên Công thông tin Quốc gia, hiện tại công ty đang đợi các hướng dẫn để thực hiện việc giải thể doanh nghiệp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
 Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày

**13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN** (tiếp theo)

**13.2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Đơn vị tính: VND

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
Công ty cổ phần dược Bắc Ninh	4,014,200,000	4,014,200,000
Công ty Kalon Investment Asset	5,250,250,000	5,382,000,000
Công ty CP Hyojung Soft Tech	960,000,000	960,000,000
	<u>10,224,450,000</u>	<u>10,356,200,000</u>

**13.3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<u>31/12/2023</u>			<u>01/01/2023</u>		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)
Tập đoàn PC1	29,120,254,734	-	-	-	-	-
Ngân hàng Liên Việt Post	10,010,034,247	(801,705,247)	9,208,329,000	-	-	-
Trái phiếu VICH	5,000,000,000	-	-	-	-	-
Trái phiếu VBA	3,423,774,261	-	-	-	-	-
Trái phiếu LPB	4,000,000,000	-	-	-	-	-
	<u>51,554,063,242</u>	<u>(801,705,247)</u>	<u>9,208,329,000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

**14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Đơn vị tính: VND

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
<b>Ngắn hạn</b>		
Tiền thuê mặt bằng	934,171,427	2,417,931,422
Bảo hiểm cháy nổ	-	467,235,377
Quảng cáo	1,527,353,526	515,770,795
Chi phí khác	254,894,688	382,132,702
	<u>2,716,419,641</u>	<u>3,783,070,296</u>
<b>Dài hạn</b>		
Tiền thuê đất Giang Điền (*)	109,431,133,185	117,802,409,903
Tiền thuê Showroom	15,570,779,788	10,404,457,765
Chi phí thi công Showroom	5,046,350,871	4,262,881,265
Phụ tùng máy móc thiết bị quản lý	16,265,785,351	3,030,217,512
Chi phí dài hạn khác	143,635,075	1,327,552,700
	<u>146,457,684,270</u>	<u>136,827,519,145</u>

(\*) Bao gồm tiền thuê đất trả trước của nhà máy tại KCN Giang Điền tỉnh Đồng Nai, được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay dài hạn được thuyết trình tại TM số 19

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
 Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

**15.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

Đơn vị tính: VND

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán	66,888,983,148	66,888,983,148	48,905,071,795	48,905,071,795
	<b>66,888,983,148</b>	<b>66,888,983,148</b>	<b>48,905,071,795</b>	<b>48,905,071,795</b>

**15.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

Đơn vị tính: VND

	31/12/2023	01/01/2023
Khách hàng trả tiền trước	19,140,646,208	18,592,271,299
	<b>19,140,646,208</b>	<b>18,592,271,299</b>

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Đơn vị tính: VND

	31/12/2023	01/01/2023
<b>Phải thu</b>		
Thuế giá trị gia tăng	1,995,021,555	3,208,668,785
	<b>1,995,021,555</b>	<b>3,208,668,785</b>
<b>Phải trả</b>		
Thuế giá trị gia tăng	2,081,565,968	4,288,958,024
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3,784,864,818	12,185,769,522
Thuế thu nhập cá nhân	1,360,643,885	1,394,008,694
Các loại thuế khác	98,339,062	-
	<b>7,325,413,733</b>	<b>17,868,736,240</b>

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

Đơn vị tính: VND

	31/12/2023	01/01/2023
Chi phí phải trả khác	882,396,901	1,673,446,511
	<b>882,396,901</b>	<b>1,673,446,511</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
 Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày

**18. PHẢI TRẢ KHÁC**

*Đơn vị tính: VND*

<b>Phải trả khác ngắn hạn</b>	<b>31/12/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
Chi phí phải trả khác	307,854,604	341,628,547
Kinh phí công đoàn	178,522,088	352,227,174
Bảo hiểm xã hội	14,111,297	213,069,025
Phải trả- phải nộp khác	1,046,201,056	788,440,817
	<b>1,546,689,045</b>	<b>1,695,365,563</b>
<b>Phải trả khác dài hạn</b>		
Trợ cấp thôi việc	19,279,059,158	19,535,193,500
Chi phí hoàn nguyên công trình	-	2,762,996,314
Phải trả dài hạn khác	10,000,000	116,818,000
	<b>19,289,059,158</b>	<b>22,415,007,814</b>

# Công ty Cổ phần Everpia

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày

## 19. VAY VÀ NỢ

Đơn vị tính: VND

Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	31/12/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngân hàng	127,821,980,729	127,821,980,729
Vay dài hạn đến hạn trả	9,582,083,333	9,582,083,333
	<b>137,404,064,062</b>	<b>137,404,064,062</b>

Tăng/ Giảm	01/01/2023	
	Tăng	Giảm
	418,305,855,091	479,221,646,532
	9,582,083,333	3,677,875,333
	<b>427,887,938,424</b>	<b>482,899,521,865</b>

Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	31/12/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	102,317,482,227	102,317,482,227
	<b>102,317,482,227</b>	<b>102,317,482,227</b>

Tăng/ Giảm	01/01/2023	
	Tăng	Giảm
	85,989,557,560	78,098,208,000
	<b>85,989,557,560</b>	<b>78,098,208,000</b>

Số có khả năng trả nợ	01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	94,426,132,667	94,426,132,667
	<b>94,426,132,667</b>	<b>94,426,132,667</b>



## Công ty Cổ phần Everpia

B09-DN

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày

#### 19. VAY VÀ NỢ (tiếp theo)

##### Các khoản vay ngân hàng

Ngân hàng	Số dư gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
	VND	Nguyên tệ		
Ngân hàng CP Ngoại thương Việt Nam	21,531,148,678	USD 881,701.42 Vay ngắn hạn 6 tháng	4.0%	Tài sản cố định và các khoản phải thu
Ngân hàng CP Ngoại thương Việt Nam	65,150,068,480	VND 65,150,068,480 Vay ngắn hạn 6 tháng	4.0%-5.0%	Tài sản cố định và các khoản phải thu
Ngân hàng TNHH Woori Bank	5,622,663,543	VND 5,622,663,543 Vay ngắn hạn 6 tháng	3.6%	Tin chấp. Lãi suất thay đổi theo tháng
Ngân hàng Đầu tư và phát triển VN	35,518,100,028	VND 35,518,100,028 Vay ngắn hạn 6 tháng	4.2%-5.2%	Tin chấp
Ngân hàng CP Ngoại thương Việt Nam	102,317,482,227	VND 174,511,482,227 Vay dài hạn 7 năm	6.8%	Quyền sử dụng đất và Tài sản cố định hình thành từ khoản vay tại nhà máy Giang Điền, Đồng Nai
KEB Hana Bank	9,582,083,333	KRW 500,000,000 3 năm kể từ ngày ký	3.6%	Văn phòng công ty Everpia Korea
<b>Trong đó</b>	<b>239,721,546,289</b>			
Vay ngắn hạn	127,821,980,729			
Vay dài hạn đến hạn trả	9,582,083,333			
Vay dài hạn	102,317,482,227			

# Công ty Cổ phần Everpia

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày

## 20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### 20.1 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

Đơn vị tính: VND

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi ích cổ đông thiếu số	Cổ phiếu quỹ	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2022	419,797,730,000	203,072,724,247	-	(76,000,000,000)	3,807,375,305	(3,801,332,966)	417,159,741,392	994,036,237,978
Lợi nhuận trong năm			254,586,384				91,574,834,588	91,829,420,972
Trích lập quỹ từ lợi nhuận chưa phân phối					2,986,033,563		(2,986,033,563)	-
Cổ tức đã chia		(18,876,846,400)		76,000,000,000			(41,083,124,500)	(41,083,124,500)
Mua cổ phiếu quỹ			10,000,000,000		(5,623,876,027)		(48,241,313,823)	8,881,839,777
Giảm khác						(199,295,314)	-	4,176,828,659
Số dư tại ngày 01/01/2023	419,797,730,000	184,195,877,847	10,254,586,384	-	1,169,532,841	(4,000,628,280)	416,424,104,094	1,027,841,202,886
Lợi nhuận trong năm							17,894,169,570	17,894,169,570
Trích lập quỹ từ lợi nhuận chưa phân phối					4,578,741,729		(4,578,741,729)	-
Cổ tức đã chia			816,377,201		(679,987,109)		(46,131,788,065)	(46,131,788,065)
Tăng khác						(912,148,932)		(775,758,840)
Số dư tại ngày 31/12/2023	419,797,730,000	184,195,877,847	11,070,963,585	-	5,068,287,461	(4,912,777,212)	383,607,743,924	998,827,825,605

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
 Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**20.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Tổng số	Cổ phiếu phổ thông	Tổng số	Cổ phiếu phổ thông
Vốn cổ phần	419,797,730,000	419,797,730,000	419,797,730,000	419,797,730,000
Thặng dư vốn cổ phần	184,195,877,847	184,195,877,847	184,195,877,847	184,195,877,847
	<b>603,993,607,847</b>	<b>603,993,607,847</b>	<b>603,993,607,847</b>	<b>603,993,607,847</b>

**20.3 Cổ phiếu**

	31/12/2023	01/01/2023
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>41,979,773</b>	<b>41,979,773</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>41,979,773</b>	<b>41,979,773</b>
Cổ phiếu phổ thông	41,979,773	41,979,773
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>41,979,773</b>	<b>41,979,773</b>
Cổ phiếu phổ thông	41,979,773	41,979,773
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành trong năm là 10.000 VND/ cổ phiếu (năm 2022: 10.000 VND/ cổ phiếu)

**20.4 Cổ tức**

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm ngoài
<b>Cổ tức đã công bố trong năm</b>	<b>46,131,788,065</b>	<b>89,324,438,323</b>
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông		
Cổ tức bằng tiền	46,131,788,065	41,083,124,500
<b>Cổ phiếu thưởng từ nguồn cổ phiếu quỹ</b>	<b>-</b>	<b>48,241,313,823</b>
Cổ phiếu thưởng từ nguồn cổ phiếu quỹ	-	48,241,313,823

**20.5 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu**

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên số 01/ĐHĐCĐ2023/NQ ngày 28 tháng 4 năm 2023 với giá trị bằng 5% lợi nhuận sau thuế được ghi trong Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022. Cũng theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông này, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được ủy quyền quyết định sử dụng quỹ quản lý căn cứ vào nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả cao nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
 Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày

**21. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu khác từ Công ty Cổ phần Texpia	30,160,675,690	30,160,675,690
Dự phòng phải thu khác từ Công ty Cổ phần Texpia (xóa sổ từ năm 2018)	(30,160,675,690)	(30,160,675,690)
Phải thu khác	2,389,798,881	2,389,798,881
Dự phòng phải thu khác	(2,389,798,881)	(2,389,798,881)
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	698,7445,43	276,667,28
- Euro (EUR)	65,865,65	6,409,73
- Won Hàn Quốc	20,352,582	27,557,929

**22. DOANH THU**

**22.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Đơn vị tính: VND

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
Doanh thu thành phẩm chần ga, đệm	532,909,454,339	707,168,494,166
Doanh thu thành phẩm bông	177,422,091,518	233,761,839,270
Doanh số bán khăn	76,488,805,220	79,901,469,910
Doanh số khác	863,968,910	843,205,887
	<b><u>787,684,319,988</u></b>	<b><u>1,021,675,009,233</u></b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	830,413,831	426,491,045
Hàng bán bị trả lại	830,413,831	426,491,045
<b>Doanh thu thuần về bán hàng</b>	<b><u>786,853,906,157</u></b>	<b><u>1,021,248,518,188</u></b>

**22.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

Đơn vị tính: VND

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
Lãi tiền gửi	25,154,601,015	18,712,576,702
Lãi chênh lệch tỷ giá	11,856,651,423	8,084,033,397
Lãi kinh doanh chứng khoán	11,750,609,746	3,980,809,470
Cổ tức nhận được	555,760,000	745,000,000
Doanh thu tài chính khác	129,882,120	159,087,907
	<b><u>49,447,504,304</u></b>	<b><u>31,681,507,476</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày

**23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

*Đơn vị tính: VND*

	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2022</b>
Giá vốn thành phẩm chần ga, đệm	348,174,332,683	425,794,715,215
Giá vốn thành phẩm bông	109,686,331,205	136,916,633,677
Giá vốn khẩn	77,909,751,401	73,570,525,979
Giá vốn hàng khác	-	782,882,605
	<b>535,770,415,289</b>	<b>637,064,757,476</b>

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

*Đơn vị tính: VND*

	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2022</b>
Chi phí tiền vay	16,345,434,585	6,738,633,160
Dự phòng tài chính	-	17,434,956,302
Lỗ từ hoạt động đầu tư	-	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	5,818,194,763	11,861,565,702
Chi phí tài chính khác	25,011,843	3,693,046,854
	<b>22,188,641,191</b>	<b>39,728,202,018</b>

**25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

*Đơn vị tính: VND*

<b>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2022</b>
- Chi phí nhân công	78,761,583,130	78,382,705,820
- Chi phí nguyên vật liệu	4,777,753,454	5,693,988,035
- Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	957,207,747	2,399,929,082
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	64,083,490,125	68,168,588,160
- Chi phí khác	18,859,099,575	18,671,198,801
	<b>167,439,134,031</b>	<b>173,316,409,898</b>
<b>Các khoản chi phí quản lý phát sinh trong kỳ</b>	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2022</b>
- Chi phí nhân công	58,275,009,185	54,311,448,983
- Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	7,260,645,522	5,716,915,256
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	24,533,395,052	18,219,328,073
- Chi phí khác	3,338,914,153	9,780,282,192
	<b>93,407,963,911</b>	<b>88,027,974,504</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
 Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày

**26. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

*Đơn vị tính: VND*

	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2022</b>
Thu nhập khác	9,820,008,926	1,302,110,218
	<b>9,820,008,926</b>	<b>1,302,110,218</b>
Chi phí khác	3,067,356,065	779,887,540
	<b>3,067,356,065</b>	<b>779,887,540</b>

**27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

*Đơn vị tính: VND*

	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2022</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	413,726,335,137	562,031,924,801
Chi phí nhân công	213,096,095,269	215,564,922,558
Chi phí khấu hao tài sản cố định	32,630,087,509	35,677,478,011
Chi phí dịch vụ mua ngoài	108,611,855,464	89,883,133,370
Chi phí khác bằng tiền	26,990,778,778	27,471,211,698
	<b>795,055,152,157</b>	<b>930,628,670,438</b>

**28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế Thu nhập Doanh nghiệp (thuế "TNDN") bằng 20% trên lợi nhuận thu được cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được diễn giải theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**28.1 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
 Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày

Đơn vị tính: VND

	Năm 2023	Năm 2022
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>24,247,908,900</b>	<b>115,334,904,446</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>	<b>4,026,972,060</b>	<b>12,682,083,369</b>
Trừ: Lợi nhuận được miễn, giảm thuế		-
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	2,555,124,543	745,000,000
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	6,582,096,603	<b>13,427,083,369</b>
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>28,274,880,960</b>	<b>128,761,987,815</b>
<i>Thu nhập chịu thuế của các hoạt động chịu thuế</i>	<i>28,274,880,960</i>	<i>128,761,987,815</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	<b>5,654,976,192</b>	<b>25,752,397,563</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>5,654,976,192</b>	<b>25,752,397,563</b>

## 28.2 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

Đơn vị tính: VND

	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo hoạt động kinh doanh	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Năm 2023	Năm 2022
<b>Tài sản thuế hoãn lại</b>				
Dự phòng hàng tồn kho	6,422,569,095	5,805,426,213	617,142,882	2,500,301,196
Dự phòng phải thu khó đòi	12,205,275,684	11,951,864,991	253,410,693	134,817,689
Chi phí phá dỡ nhà xưởng	-	552,599,260	(552,599,260)	110,519,853
Dự phòng phải trả quỹ thất nghiệp	2,786,415,973	2,951,084,721	(164,668,748)	(182,924,579)
Chi phí vượt quá thời gian khấu hao	325,819,110	255,046,121	70,772,989	70,772,988
Lợi nhuận chưa thực hiện	1,355,044,767	1,272,080,092	82,964,670	(226,829,500)
<b>Tổng</b>	<b>23,095,124,628</b>	<b>22,788,101,398</b>	<b>307,023,225</b>	<b>2,406,657,647</b>
<b>Chi phí thuế hoãn lại</b>				
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(399,872,908)	(210,463,745)	(189,409,163)	(159,743,558)
<b>Tổng</b>	<b>(399,872,908)</b>	<b>(210,463,745)</b>	<b>(189,409,163)</b>	<b>(159,743,558)</b>
<b>Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh</b>	<b>22,695,251,721</b>	<b>22,577,637,653</b>	<b>117,614,063</b>	<b>2,246,914,089</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày

**29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

***Giao dịch với các bên liên quan khác***

Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và tiền lương của Ban Giám đốc Công ty:

*Đơn vị tính: VND*

		<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2022</b>
Lee Jae Eun	Tổng giám đốc	5,544,416,003	5,921,754,630
Cho Yong Hwan	Phó Tổng giám đốc	2,643,781,770	2,826,339,203
Yu Sung Dae	Phó Tổng giám đốc	2,651,815,208	2,963,542,823
Lê Khả Tuyên	Thành viên độc lập HĐQT	86,400,000	86,400,000
Nguyễn Lê Hoàng Yến	Thành viên độc lập HĐQT	-	28,800,000
Trương Tuấn Nghĩa	Trưởng ban Kiểm soát	86,400,000	86,400,000
Ko Tae Yeon	Thành viên Ban Kiểm soát	86,400,000	86,400,000
Nguyễn Đắc Hương	Thành viên Ban Kiểm soát	86,400,000	86,400,000
		<b>11,185,612,981</b>	<b>12,086,036,656</b>

**30. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu.

Đơn vị tính: VND

	Năm 2023	Năm 2022
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đồng sở hữu cổ phiếu phổ thông	17,894,169,570	91,574,834,588
Ảnh hưởng suy giảm	-	-
Lợi nhuận sau thuế sau khi đã điều chỉnh suy giảm	17,894,169,570	91,574,834,588
Bình quân gia quyền của số cổ đồng phổ thông	41,979,773	41,979,773
Ảnh hưởng suy giảm	-	-
Bình quân gia quyền của số cổ đồng phổ thông	41,979,773	41,979,773
Lãi trên cổ phiếu	426	2,181
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	426	2,181

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất.

**31. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm về chăn, ga, gối, nệm và bông. Doanh thu và tài sản liên quan đến các sản phẩm về chăn, ga, gối, nệm và bông chiếm tỷ trọng trên 90% tổng doanh thu trong năm và tài sản tại ngày báo cáo. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty chỉ có một bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

**32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

**33. GIẢI TRÌNH CHÊNH LỆCH TĂNG/ GIẢM CỦA LỢI NHUẬN SO VỚI CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC**

Công ty CP Everpia xin giải trình tăng/ giảm của lợi nhuận so với cùng kỳ năm trước

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022	Chênh lệch tuyệt đối	Tăng/(giảm) tỉ lệ
Doanh thu thuần từ hoạt động bán hàng quý 4	225,754,952,039	284,372,086,139	(58,617,134,100)	-21%
Lợi nhuận sau thuế quý 4	4,043,605,837	22,720,075,117	(18,676,469,280)	-82%

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022	Chênh lệch tuyệt đối	Tăng/(giảm) tỉ lệ
Doanh thu thuần từ hoạt động bán hàng năm	786,853,906,157	1,021,248,518,188	(234,394,612,031)	-23%
Lợi nhuận sau thuế năm	17,894,169,570	91,574,834,588	(73,680,665,018)	-80%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày

Năm 2023 là một năm không dễ dàng cho toàn bộ nền kinh tế Việt Nam, nhất là ngành dệt may. Đây là một năm có tỷ lệ doanh nghiệp rời khỏi thị trường cao, xuất nhập khẩu giảm, sản xuất có chiều hướng giảm. Các doanh nghiệp dệt may thiếu đơn hàng nghiêm trọng, công nhân giảm giờ làm, nhà máy giảm công suất, một số nhà máy còn phải đóng cửa hoặc thu hẹp lại sản xuất. Tổng kim ngạch xuất khẩu dệt may chỉ đạt 30 tỷ USD, kém rất xa so với kế hoạch 45 tỷ USD đề ra đầu năm. Lý do kinh doanh ảm đạm là do nền kinh tế toàn cầu suy giảm, lạm phát tăng cao ở các nước Mỹ, Châu Âu, Nhật Bản ... đã làm giảm nhu cầu về dệt may dẫn tới thiếu đơn hàng, trong nước người tiêu dùng cũng cắt giảm chi phí chi tiêu cho dệt may. Everpia cũng không nằm ngoài vòng xoáy sụt giảm kinh tế này. Tiếp tục đà giảm của các Quý trước đó, doanh số Quý 4 năm 2023 đạt 225,7 tỷ đồng, giảm 21% so với cùng kỳ. Lũy kế cả năm 2023, doanh số đạt 786,8 tỷ đồng, giảm 23% so với năm 2022. Trong đó, các ngành hàng Chăn ga gối đệm, Băng tằm và Khăn có doanh số giảm lần lượt là 25%, 24% và 4%. **Đối với Ngành hàng Băng tằm:** một trong những nguyên nhân dẫn đến sự sụt giảm lớn này là những năm trước do tình hình covid nên nhiều khách hàng đã mua lượng hàng lớn hơn so với thông thường để phòng vấn đề logistic. Sau Covid, nhiều vấn đề như lạm phát, chiến tranh, người dân thắt chặt chi tiêu dẫn tới nhiều khách hàng của Everpia vừa thiếu hụt đơn hàng vừa tồn nhiều hàng tồn kho. Bên cạnh đó, hiện tại ngành hàng đang phải đối mặt với các đối thủ mới đến từ Bangladesh và Indonesia.

**Đối với Ngành hàng Chăn ga gối đệm:** để khắc phục đơn hàng sụt giảm từ Bộ sưu tập, Everpia đã cho ra mắt 07 mẫu sản phẩm dành riêng cho thị trường tỉnh, tuy nhiên do thời tiết năm nay mùa đông đến muộn và người tiêu dùng thắt chặt chi tiêu trước ảnh hưởng của lạm phát nên doanh số đã không được cải thiện.

**Đối với Ngành hàng Khăn:** do sản phẩm là hàng tiêu dùng thông dụng nên nhu cầu khá ổn định, không bị giảm sút quá nhiều. Hiện nay, do vấn đề về chuỗi cung ứng và giảm sự phụ thuộc vào Trung Quốc, nhiều khách hàng quốc tế đang tìm kiếm tới Việt Nam như một nguồn cung cấp thay thế nên nhu cầu về ngành này dự kiến sẽ tăng từ năm 2024.

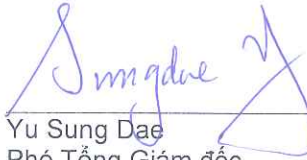
Việc thực hiện tăng lương cơ bản 8% theo quy định về mức lương tối thiểu khiến cả chi phí giá vốn và chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp đều tăng. Chính vì chi phí không được giảm so với sự sụt giảm của chi phí đã đẩy hợp nhuận hoạt động trong năm 2023 giảm sâu. Trong kỳ, công ty ghi nhận khoản lợi nhuận tài chính trị giá 27 tỷ với doanh thu tài chính đến từ các hoạt động: lãi tiền gửi, lãi chênh lệch tỷ giá và kinh doanh chứng khoán. Công ty con bên Hàn Quốc vẫn chưa kinh doanh có hiệu quả do ảnh hưởng của suy thoái toàn cầu. Lợi nhuận quý 4 của công ty chỉ đạt 4 tỷ, giảm 82% so với cùng kỳ năm trước, dẫn tới lợi nhuận cả năm 2023 của công ty chỉ đạt 18 tỷ, giảm 80% so với năm 2023.

Toàn bộ cán bộ công nhân viên Everpia quyết tâm cùng doanh nghiệp vượt qua khó khăn, tiếp tục giữ vững doanh hiệu Công ty sản xuất chăn ga hàng đầu tại thị trường Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho quý tài chính kết thúc cùng ngày



Nguyễn Bảo Ngọc  
Người lập biểu  
Trưởng phòng Tài chính  
kế toán



Yu Sung Dae  
Phó Tổng Giám đốc  
Phụ trách Tài chính



Lee Jae Eun  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 01 năm 2024